

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:14852 /SXD-TCPC

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên
tuyên truyền chính sách quy định trong
các Nghị quyết triển khai thi hành
Luật Thủ đô.

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Thực hiện văn bản số 07/CV-HĐ ngày 03/7/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật về việc xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên và tổ chức tập huấn các văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16. Tại Kỳ họp thứ ba và kỳ họp thứ tư HĐND Thành phố khóa XVII đã thông qua 08 Nghị quyết của HĐND để triển khai thi hành Luật Thủ đô do Sở Xây dựng chủ trì soạn thảo.

Để chuẩn bị tài liệu phục vụ Hội nghị phổ biến, quán triệt các Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô thông qua tại kỳ họp thứ 3, 4 HĐND Thành phố khóa XVII, Sở Xây dựng đã xây dựng bộ tài liệu chuyên đề pháp luật để tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các chính sách quy định tại 08 Nghị quyết của HĐND để triển khai thi hành Luật Thủ đô do Sở tham mưu (chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo).

Đồng thời, Sở Xây dựng lập danh sách báo cáo viên để tuyên truyền về các chính sách quy định tại 08 Nghị quyết của HĐND Thành phố (chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

Đề nghị Sở Tư pháp xem xét, tổng hợp báo cáo UBND Thành phố./. *ph2*

Nơi nhận:

- Như trên; (để tổng hợp)
- UBND Thành phố; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TCPC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC** *ph*



Đào Duy Phong

SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

PHỤ LỤC 1: TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CÁC NGHỊ QUYẾT THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ NĂM 2026 DO SỞ XÂY DỰNG CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

(Kèm theo văn bản số /SXD-TCPC ngày 08/7/2026 của Sở Xây dựng)

I. Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố quy định trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c khoản 5 Điều 22 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

a) Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, trong đó điểm c khoản 5 Điều 22 giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp và lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn Thành phố;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;
- Nghị quyết số 258/2025/NQ-QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô;
- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Các quy định pháp luật có liên quan về tình huống khẩn cấp, đấu thầu, quản lý chi phí, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư.

b) Cơ sở thực tiễn

Thành phố Hà Nội đang tập trung thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU năm 2025 của Thành ủy, quyết liệt tháo gỡ 05 điểm nghẽn lớn gồm: ứng ngập, ùn tắc giao thông, trật tự đô thị, ô nhiễm môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhiều dự án, công trình cần được triển khai ngay để ngăn chặn nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe Nhân dân, an sinh xã hội và sự phát triển ổn định của Thủ đô.

Qua thực tiễn triển khai dự án, công trình khẩn cấp theo pháp luật về đầu tư công, xây dựng và các cơ chế đặc thù đã phát sinh một số khó khăn: quy trình chưa rõ và chưa thống nhất, nhất là đối với dự án không có cấu phần xây dựng; chưa có danh mục, nhóm trường hợp cụ thể để nhận diện dự án, công trình khẩn cấp; chưa xác định rõ cơ quan, đơn vị lập đề xuất; trách nhiệm, quy trình thực hiện ở cấp xã còn thiếu cụ thể nên việc tổ chức triển khai chưa quyết liệt, đồng bộ.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hóa thẩm quyền được giao tại Luật Thủ đô, hình thành khuôn khổ pháp lý thống nhất, minh bạch, khả thi cho toàn Thành phố; đồng thời bảo đảm việc áp dụng cơ chế khẩn cấp đúng đối tượng, đúng mục đích và có kiểm soát.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Cụ thể hóa đầy đủ quy định tại điểm c khoản 5 Điều 22 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; khắc phục khoảng trống, sự thiếu thống nhất trong quá trình thực hiện dự án, công trình khẩn cấp trên địa bàn Thành phố.

- Xác định rõ trường hợp áp dụng, thẩm quyền quyết định, cơ quan lập đề xuất, trách nhiệm của chủ đầu tư và các cơ quan liên quan; thiết lập quy trình chung, liên tục từ khâu đề xuất, quyết định, chuẩn bị dự án, bố trí vốn, thiết kế, thi công đến hoàn thiện hồ sơ, thanh toán và quyết toán.

- Rút ngắn thời gian chuẩn bị và triển khai dự án nhưng vẫn bảo đảm công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí, tiêu cực; gắn phân cấp với trách nhiệm giải trình, kiểm tra, thanh tra và giám sát.

- Tạo điều kiện xử lý kịp thời các tình huống cấp bách, đặc biệt là 05 điểm nghẽn của Thành phố; hạn chế thiệt hại về người, tài sản, kết cấu hạ tầng, môi trường và an sinh xã hội; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Tăng tính chủ động cho chính quyền cấp xã; đồng thời bảo đảm cân đối nguồn vốn, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, hài hòa lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 04 chương, 16 điều, với các nội dung chủ yếu sau:

a) Chương I - Quy định chung (Điều 1 đến Điều 3)

- Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nguyên tắc thực hiện. Việc quyết định dự án, công trình khẩn cấp phải dựa trên tính cấp thiết, cấp bách, bắt buộc triển khai ngay; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả xã hội, khả năng cân đối vốn, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Chương II - Trường hợp áp dụng và thẩm quyền quyết định (Điều 4, Điều 5)

- Xác định các trường hợp theo pháp luật về đầu tư công, xây dựng và tình huống khẩn cấp; các dự án, công trình nhằm xử lý 05 điểm nghẽn của Thành phố; các dự án khác cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ và Thường trực Thành ủy.

- Quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định dự án sử dụng ngân sách hoặc một phần vốn ngân sách thuộc cấp mình quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác; đồng thời quy định việc xin ý kiến cấp ủy theo quy chế làm việc và trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, cấp bách.

c) Chương III - Trình tự, thủ tục thực hiện (Điều 6 đến Điều 13)

- Quy định cơ quan lập đề xuất, nội dung tờ trình và hình thức quyết định: quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp áp dụng với dự án không có cấu phần xây dựng; lệnh xây dựng công trình khẩn cấp áp dụng với dự án có cấu phần xây dựng.

- Quy định việc lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật; bố trí và tạm ứng vốn; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng; tổ chức thi công, nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình; thanh toán và quyết toán vốn đầu tư.

- Cho phép tạm ứng hợp đồng tối đa không quá 50% giá trị hợp đồng, gắn với bảo lãnh tạm ứng, mục đích sử dụng vốn, trách nhiệm quản lý, thu hồi tạm ứng và không điều chỉnh giá đối với phần giá trị đã được tạm ứng.

- Quy định thời hạn hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu, công khai kết quả và ký hợp đồng: 15 ngày đối với công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi/báo cáo kinh tế - kỹ thuật; 30 ngày đối với các công việc tổ chức thi công thuộc phạm vi áp dụng của pháp luật về đấu thầu.

d) Chương IV - Điều khoản thi hành (Điều 14 đến Điều 16)

- Quy định chuyển tiếp đối với dự án, công trình đã được quyết định thực hiện đầu tư khẩn cấp hoặc đã ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trước ngày Nghị quyết có hiệu lực.

- Quy định trách nhiệm tổ chức thi hành, thanh tra, kiểm tra, giám sát, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp; trách nhiệm giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

4. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

- Quy định cụ thể các nhóm trường hợp được xem xét áp dụng cơ chế khẩn cấp, trong đó nhận diện rõ các dự án, công trình xử lý 05 điểm nghẽn của Thành phố; đồng thời khẳng định đây chỉ là cơ sở xem xét, không áp dụng tự động cho mọi dự án.

- Xác định rõ cơ quan, đơn vị lập đề xuất ở cấp Thành phố, cấp xã và đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác; khắc phục tình trạng chưa rõ đầu mối, trách nhiệm trong giai đoạn đề xuất.

- Thiết lập một khung pháp lý chung cho cả dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng; phân biệt rõ quyết định thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp và lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

- Đẩy mạnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự án thuộc cấp mình quản lý, gắn quyền quyết định với trách nhiệm đánh giá tính cấp bách, cân đối vốn và trách nhiệm giải trình.

- Cho phép mức tạm ứng hợp đồng tối đa 50% giá trị hợp đồng để đáp ứng yêu cầu triển khai ngay, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ bằng bảo lãnh tạm ứng, quy định thu hồi, sử dụng đúng mục đích và không điều chỉnh giá đối với phần đã tạm ứng.

- Quy định các mốc thời gian cụ thể để hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu và hợp đồng, góp phần rút ngắn quy trình nhưng không bỏ qua yêu cầu công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Bổ sung cơ chế chuyển tiếp, bảo đảm các công việc đã thực hiện hợp pháp không phải thực hiện lại; các nội dung chưa thực hiện được tiếp tục áp dụng theo cơ chế, thẩm quyền và quy trình mới.

- Kết hợp cơ chế xử lý nhanh với các nguyên tắc phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí, bảo đảm an ninh, trật tự, an sinh xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư.

II. Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển và khai thác không gian ngầm, không gian tầm thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b, c, d khoản 3 Điều 11 và điểm a, b khoản 1 Điều 13 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn

a) Cơ sở pháp lý

Nghị quyết được ban hành để thực hiện các điểm b, c, d khoản 3 Điều 11 và các điểm a, b khoản 1 Điều 13 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 về chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển và khai thác không gian ngầm, không gian tầm thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ ban hành Nghị quyết gồm Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Thủ đô; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Xây dựng; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; Luật Đất đai; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật Phòng không nhân dân; Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

b) Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Nghị quyết xuất phát từ yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả không gian ngầm, không gian tầm thấp trên địa bàn Thành phố; tạo cơ sở huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông công cộng, bãi đỗ xe, công trình ngầm công cộng và các loại hình khai thác không gian tầm thấp.

Pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể việc phân tầng không gian ngầm theo chiều sâu để xác định cơ chế quản lý, khai thác và nghĩa vụ tài chính. Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đối với công trình ngầm, bãi đỗ xe ngầm, cơ sở dữ liệu không gian ngầm và khai thác không gian tầm thấp chưa được quy định đầy đủ, đồng bộ.

Về cơ sở phân tầng, việc xác định mức độ sâu 15m bảo đảm thống nhất với định hướng tổ chức không gian ngầm tại Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm được phê duyệt tại Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026.

Về chính sách bãi đỗ xe ngầm, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố đã cho phép dự án bãi đỗ xe ngầm đầu tư theo hình thức xã hội hóa được sử dụng tối đa 30% tổng diện tích sàn xây dựng thuộc khu vực ngầm để đầu tư khai thác dịch vụ thương mại, dịch vụ khác hỗ trợ cho bãi đỗ xe ngầm. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai, mức 30% chưa tạo được sức hấp dẫn đủ lớn để kêu gọi nhà đầu tư đối với bãi đỗ xe ngầm độc lập do suất đầu tư lớn, chi phí đào sâu, chống thấm, thông gió, phòng cháy, chữa cháy, vận hành, bảo trì và quản lý an toàn cao hơn nhiều so với bãi đỗ xe nổi hoặc bãi đỗ xe mặt bằng. Thực trạng thiếu hụt bãi đỗ xe công cộng, nhất là khu vực đô thị trung tâm, cho thấy cần có chính sách mạnh hơn trên cơ sở có cơ chế kiểm soát.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động

Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách được Luật Thủ đô giao; quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển và khai thác không gian ngầm, không gian tầm thấp trên địa bàn Thành phố.

Trọng tâm của Nghị quyết là xác định giới hạn độ sâu 15m làm căn cứ phân cấp quản lý, xác định nghĩa vụ tài chính; quy định chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; hỗ trợ đầu tư công trình ngầm; cho phép khai thác một phần diện tích sàn

bãi đỗ xe ngầm; phát triển hạ tầng, hành lang, vùng thử nghiệm và cơ chế quản lý không gian tầm thấp.

Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để Thành phố quản lý, khai thác không gian ngầm, không gian tầm thấp theo quy hoạch, phân vùng, hành lang hoạt động và điều kiện kỹ thuật; góp phần giảm áp lực sử dụng đất bề mặt, phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông, bãi đỗ xe, logistics, đô thị thông minh và các mô hình kinh tế tầm thấp.

Đối với quản lý nhà nước, Nghị quyết là căn cứ để phân cấp quản lý, kiểm soát nghĩa vụ tài chính, an toàn kỹ thuật, an toàn hàng không, dữ liệu, bảo mật thông tin và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Đối với nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân, Nghị quyết quy định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, tài chính, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thủ tục hành chính và khai thác công trình sau đầu tư. Đối với xã hội, Nghị quyết góp phần phát triển hệ thống bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật, giao thông công cộng, dịch vụ đô thị; đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn, môi trường, cảnh quan, di tích lịch sử - văn hóa và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 04 chương, 12 điều; quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, chính sách đối với không gian ngầm, chính sách đối với không gian tầm thấp, tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

Về không gian ngầm: Nghị quyết quy định nguyên tắc khai thác, sử dụng và kết nối phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng thủ dân sự; phù hợp Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch đô thị, quy hoạch chuyên ngành; bảo đảm kết nối liên thông, không chồng lấn, xung đột với công trình hiện hữu hoặc công trình đã được xác định trong quy hoạch.

Công trình ngầm phải bảo đảm an toàn địa chất, thủy văn, chống sụt lún, chống thấm, chống đẩy nổi, chống ngập, an toàn công trình, phòng cháy, chữa cháy, thông gió, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ và bảo vệ môi trường; không gây ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, di tích lịch sử - văn hóa, không gian đô thị và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nghị quyết xác định giới hạn độ sâu 15m để phân cấp quản lý không gian ngầm. Công trình ngầm từ 0m đến 15m có chức năng công cộng, dịch vụ thương mại, hành lang đi bộ ngầm, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu thuộc thẩm quyền quản lý của cấp Thành phố; các công trình ngầm khác và phần ngầm do UBND cấp xã quản lý theo địa bàn. Công trình ngầm có độ sâu lớn hơn 15m do UBND Thành phố quản lý.

Về ưu đãi, hỗ trợ: miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với một số công trình ngầm có độ sâu từ 0m đến 15m không có mục đích kinh doanh thương mại hoặc bãi đỗ xe ngầm độc lập tại khu vực trong Vành đai 1; miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với công trình ngầm có độ sâu lớn hơn 15m; không xác định nghĩa vụ nộp tiền sử dụng không gian ngầm đối với phần kết cấu móng, cọc, neo, tường vây, kết cấu chịu lực, kết cấu chống đỡ, hệ thống kỹ thuật bắt buộc nhưng không tạo lập không gian, diện tích sàn, công năng sử dụng hoặc khả năng khai thác độc lập.

Dự án đầu tư xây dựng công trình ngầm là bãi xe, công trình khác không nhằm

124

mục đích kinh doanh thương mại, nếu phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thì được ngân sách hỗ trợ 100% chi phí theo phương án được người có thẩm quyền phê duyệt. Nghị quyết cho phép thực hiện cơ chế làn xanh, một cửa liên thông; tách hạng mục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án thành phần.

Đối với bãi đỗ xe ngầm theo quy hoạch, được sử dụng một phần diện tích sàn xây dựng để khai thác dịch vụ thương mại, dịch vụ hỗ trợ; tỷ lệ không vượt quá 45% tại khu vực trong Vành đai 1, vùng phát thải thấp và không vượt quá 40% tại khu vực khác; phần diện tích này phải tự đáp ứng nhu cầu đỗ xe phát sinh, không làm giảm công suất đỗ xe công cộng theo quy hoạch, không làm thay đổi công năng chính của dự án.

Về không gian tầm thấp: việc khai thác phải phân vùng theo khu vực, hành lang hoạt động; phù hợp quy hoạch, quy định quốc phòng - an ninh và pháp luật chuyên ngành; bảo đảm an toàn công trình, an toàn hàng không, an toàn dữ liệu, an ninh mạng, quyền riêng tư, kiểm soát tiếng ồn, bảo vệ môi trường và trật tự đô thị.

Thành phố bố trí hoặc huy động nguồn lực hợp pháp để từng bước xây dựng hạ tầng vật lý, hạ tầng số và hạ tầng không gian phục vụ khai thác không gian tầm thấp; áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với mô hình khai thác theo khu vực, hành lang, loại hình phương tiện, công nghệ và dịch vụ được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển hạ tầng kỹ thuật, hình thành hệ sinh thái và mở rộng thị trường kinh tế tầm thấp.

Nghị quyết giao UBND Thành phố tổ chức thực hiện, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; rà soát chính sách ưu đãi, hỗ trợ để bảo đảm không trùng lặp; xây dựng lộ trình số hóa dữ liệu không gian ngầm, không gian tầm thấp. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và quy định chuyển tiếp đối với các dự án đã được phê duyệt, đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc công trình hiện hữu trước thời điểm Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 có hiệu lực.

4. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Một là, Nghị quyết quy định phân tầng không gian ngầm theo chiều sâu để quản lý, khai thác, sử dụng và xác định phạm vi khai thác gắn với nghĩa vụ tài chính tương ứng; xác định giới hạn độ sâu 15m làm căn cứ phân cấp quản lý, xác định nghĩa vụ tài chính, đồng thời bảo đảm thống nhất với Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm tại Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026.

Hai là, Nghị quyết thiết lập cơ chế chính sách tổng thể về đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng, tài chính, dữ liệu và bảo trì công trình ngầm; không chỉ dừng ở danh mục công trình ngầm khuyến khích đầu tư.

Ba là, Nghị quyết quy định cơ chế ưu đãi riêng đối với công trình ngầm và bãi đỗ xe ngầm; cho phép khai thác một phần diện tích sàn để bố trí dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ thương mại theo tỷ lệ cụ thể, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo nguồn thu bù đắp chi phí xây dựng, vận hành và bảo trì công trình. Tỷ lệ 40%-45% được xác định trên cơ sở kế thừa chính sách tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND, đồng thời khắc phục thực tiễn mức 30% chưa đủ hấp dẫn để thu hút các dự án xã hội hóa.

Bốn là, Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư đối với công trình ngầm, trong

đó ngân sách hỗ trợ 100% chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đủ điều kiện; cho phép tách giải phóng mặt bằng thành dự án thành phần; áp dụng cơ chế làn xanh, một cửa liên thông đối với hồ sơ đầu tư xây dựng công trình ngầm.

Năm là, Nghị quyết quy định trách nhiệm số hóa, cập nhật, chia sẻ dữ liệu khảo sát, thiết kế, hoàn công, vận hành, bảo trì, quan trắc công trình ngầm vào hệ thống cơ sở dữ liệu không gian ngầm của Thành phố, phục vụ quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số và quản lý đô thị thông minh.

Sáu là, Nghị quyết quy định áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với hoạt động khai thác không gian tầm thấp, tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và các dịch vụ kinh tế tầm thấp; phát triển hạ tầng kỹ thuật, hành lang hoạt động, vùng không gian thử nghiệm và hệ sinh thái phục vụ phát triển kinh tế tầm thấp.

Bảy là, Nghị quyết quy định cơ chế quản lý, giám sát hoạt động trong không gian tầm thấp thông qua hệ thống dữ liệu số, kết nối và chia sẻ thông tin với cơ quan có thẩm quyền về quốc phòng, an ninh; quản lý, khai thác, sử dụng không gian tầm thấp theo quy hoạch, phân vùng và hành lang hoạt động được phê duyệt, bảo đảm thống nhất giữa quy hoạch phát triển đô thị, quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

III. Nghị quyết số 66/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 quy định chính sách cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị và phát triển đô thị tại khu vực TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

a. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

- Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Hà Nội; số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô; Các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; chương trình, kế hoạch của Chính phủ và Thành phố Hà Nội về triển khai thực hiện Luật Thủ đô và phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

b) Cơ sở thực tiễn

Hà Nội là đô thị đặc biệt, có lịch sử phát triển lâu đời với nhiều khu vực đô thị được hình thành qua các thời kỳ. Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa nhanh, Thành phố đang chuyển đổi mô hình phát triển từ mở rộng theo chiều ngang sang phát triển đô thị nén, xanh, đa trung tâm, gắn với hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn. Thực tiễn cho thấy nhu cầu cải tạo, chỉnh trang, tái thiết các khu vực đô thị cũ, đặc biệt là các khu vực quanh nhà ga, đề-pô và đầu mối giao thông công cộng ngày càng cấp thiết

nhằm sử dụng hiệu quả quỹ đất, nâng cao chất lượng môi trường sống và phát huy hiệu quả đầu tư hệ thống đường sắt đô thị.

Tuy nhiên, quá trình triển khai các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do thiếu cơ chế, chính sách đồng bộ và đủ mạnh, nhất là trong việc huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện và hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư.

Luật Thủ đô năm 2026 đã giao Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các chính sách đặc thù về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị theo mô hình TOD. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô, tạo hành lang pháp lý thống nhất để tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, khai thác hiệu quả không gian đô thị, thúc đẩy phát triển đô thị bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân Thủ đô.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

a) Mục đích

Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô năm 2026; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ để triển khai các chính sách cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị theo mô hình phát triển đô thị định hướng giao thông công cộng (TOD) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thông qua Nghị quyết, Thành phố thiết lập khung chính sách đặc thù về tiêu chí, điều kiện, trình tự, cơ chế tổ chức thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; quy định chính sách phát triển đô thị tại khu vực TOD; quy định các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp với đặc thù phát triển đô thị của Thủ đô, bảo đảm khai thác hiệu quả không gian ngầm, không gian trên cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai và phát triển hệ thống đường sắt đô thị.

Đồng thời, góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về thể chế trong quá trình triển khai các dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ, chỉnh trang các khu vực đô thị hiện hữu và phát triển các khu vực TOD; huy động tối đa các nguồn lực xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

b) Ý nghĩa

Nghị quyết có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng, quy định của Luật Thủ đô năm 2026 và các cơ chế đặc thù mà Quốc hội đã giao cho Thủ đô Hà Nội; tạo hành lang pháp lý thống nhất để triển khai đồng bộ công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị theo mô hình TOD.

Việc ban hành Nghị quyết thể hiện sự chủ động của Thành phố trong việc đổi mới mô hình phát triển đô thị theo hướng đô thị nén, đa trung tâm, phát triển dựa trên hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn; góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khai thác giá trị tăng thêm từ đất đai, thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, tăng nguồn thu ngân sách và nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

Đối với người dân, Nghị quyết tạo điều kiện cải thiện chất lượng nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và không gian công cộng; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân; nâng cao chất lượng sống, hướng tới xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại.

c) Tác động của Nghị quyết

Đối với công tác quản lý nhà nước: Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để Thành phố chủ động ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách đặc thù về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển TOD; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng và phát triển đô thị.

Đối với phát triển kinh tế - xã hội: Thúc đẩy khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai và không gian đô thị; tạo điều kiện huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư; gia tăng giá trị sử dụng đất tại khu vực TOD; thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản, thương mại, dịch vụ và tăng thu ngân sách.

Đối với xã hội: Đẩy nhanh tiến độ cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ và tái thiết các khu vực đô thị xuống cấp; nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, điều kiện nhà ở và môi trường sống; tạo thêm không gian công cộng, việc làm và cơ hội phát triển cho người dân.

Đối với phát triển đô thị và môi trường: Khuyến khích phát triển đô thị theo mô hình TOD, giảm phụ thuộc vào phương tiện giao thông cá nhân, tăng tỷ lệ sử dụng giao thông công cộng, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, ưu tiên phát triển không gian xanh và công trình công cộng; góp phần giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với việc triển khai Luật Thủ đô năm 2026: Nghị quyết là một trong những nghị quyết quan trọng đầu tiên cụ thể hóa cơ chế phân quyền, phân cấp và các chính sách đặc thù mà Luật Thủ đô năm 2026 giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định, góp phần đưa các cơ chế mới của Luật Thủ đô vào thực tiễn, tạo động lực phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết bao gồm 06 Chương, 24 Điều, gồm các nội dung cơ bản sau:

(i) Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc thực hiện, xác định phạm vi điều chỉnh đối với các hoạt động cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị tại khu vực TOD trên địa bàn thành phố Hà Nội; quy định các nguyên tắc bảo đảm phù hợp quy hoạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân, nhà đầu tư và cộng đồng; bảo đảm phát triển bền vững, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường.

(ii) Quy định chính sách, biện pháp, tiêu chí và điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, bao gồm việc xác định khu vực thực hiện dự án; tiêu chí lựa chọn dự án; điều kiện triển khai; cơ chế lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án; cơ chế huy động nguồn lực, lựa chọn nhà đầu tư và các chính sách khuyến khích đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

(iii) Quy định chính sách phát triển đô thị tại khu vực TOD, xác định phạm vi khu vực TOD; định hướng phát triển đô thị gắn với hệ thống đường sắt đô thị và các đầu mối giao thông công cộng; chính sách khai thác hiệu quả quỹ đất, không gian ngầm, không gian trên cao; phát triển hỗn hợp các chức năng nhà ở, thương mại, dịch vụ, công trình công cộng và hạ tầng xã hội.

(iv) Quy định các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc và yêu cầu về hạ tầng tại khu vực TOD theo thẩm quyền được giao tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô năm 2026, bao gồm các chỉ tiêu về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, bố trí không gian công cộng, khai thác không gian ngầm, tổ chức giao thông, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các yêu cầu khác phù hợp với đặc điểm từng khu vực TOD, bảo đảm kết nối đồng bộ và phát triển bền vững.

124

(v) Quy định cơ chế tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan, phân công trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ thể tham gia trong quá trình tổ chức thực hiện; quy định về công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và xử lý các vướng mắc phát sinh.

(vi) Quy định điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành, bảo đảm việc áp dụng thống nhất đối với các dự án đang triển khai và các dự án thực hiện sau khi Nghị quyết có hiệu lực, tạo sự liên tục, ổn định trong quá trình triển khai các chính sách đặc thù của Thành phố.

4. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị theo mô hình TOD. Những điểm mới, đặc thù, vượt trội của Nghị quyết gồm:

Quy định một khung chính sách tổng thể về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn Thành phố, thay vì chỉ điều chỉnh riêng lẻ đối với từng loại dự án như cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ hoặc chỉnh trang đô thị theo các quy định chuyên ngành. Nghị quyết hình thành cơ chế thống nhất từ việc xác định khu vực, tiêu chí, điều kiện đến tổ chức thực hiện dự án tái thiết đô thị.

Quy định chính sách phát triển đô thị theo mô hình TOD ở cấp địa phương. Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để phát triển đô thị gắn với hệ thống đường sắt đô thị và các đầu mối giao thông công cộng, thúc đẩy phát triển đô thị nén, đa chức năng, sử dụng đất hiệu quả, tăng khả năng tiếp cận giao thông công cộng và nâng cao hiệu quả đầu tư hệ thống đường sắt đô thị.

Quy định các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu vực TOD khác với hoặc chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng theo đúng thẩm quyền được Luật Thủ đô năm 2026 giao. Đây là cơ chế đặc thù chưa từng được trao cho địa phương theo pháp luật hiện hành, tạo điều kiện để Hà Nội chủ động xây dựng các chỉ tiêu phù hợp với đặc điểm của từng khu vực TOD.

Quy định cơ chế tổ chức thực hiện thống nhất, phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị và triển khai dự án, khắc phục tình trạng chông chéo giữa các quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng và nhà ở.

Làm cơ sở pháp lý để khai thác đồng bộ không gian ngầm, không gian trên cao và không gian tầm thấp, phát triển đô thị theo hướng ba chiều, đồng thời ưu tiên quỹ đất mặt đất cho cây xanh, công trình công cộng, quảng trường, giao thông đi bộ và các tiện ích phục vụ cộng đồng.

Bảo đảm gắn kết đồng bộ giữa quy hoạch đô thị, quy hoạch giao thông, sử dụng đất và đầu tư xây dựng, góp phần khai thác giá trị tăng thêm từ đất đai, huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển đô thị, tạo nguồn lực tái đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đường sắt đô thị.

Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân, nhà đầu tư và cộng đồng, đồng thời nâng cao chất lượng không gian sống, phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Thủ đô.

Điểm vượt trội của Nghị quyết là trao cho Thành phố Hà Nội quyền chủ động xây dựng và ban hành các chính sách phát triển đô thị phù hợp với đặc thù của Thủ đô trên cơ sở thẩm quyền được Luật Thủ đô năm 2026 giao.

124

IV. Nghị quyết số 68/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và khuyến khích sử dụng giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm g khoản 1 Điều 13 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn

a) Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn 2026-2030, Thành phố Hà Nội đặt mục tiêu đạt mức tăng trưởng kinh tế - xã hội ở ngưỡng hai con số, hình thành hệ thống động lực phát triển mới, nâng cao vị thế Thủ đô là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước. Để hiện thực hóa các mục tiêu này, Hà Nội cần triển khai đồng bộ nhiều nhóm nhiệm vụ, trong đó việc giải quyết điểm nghẽn về ô nhiễm môi trường là rất cấp thiết.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng tại các văn bản: Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025; Thông báo số 442/TB-VPCP ngày 22/8/2025; văn bản số 1012/TTg-NN ngày 21/8/2025; Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19/11/2025 trong đó có nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, UBND Thành phố cần phải có một cơ chế đặc thù để hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hoá thạch sang sử dụng năng lượng sạch và khuyến khích sử dụng giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết về “Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và khuyến khích sử dụng giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội” là cần thiết và cấp bách.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết “Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và khuyến khích sử

dụng giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội” nhằm đề ra các chính sách hỗ trợ cá nhân thuộc hộ nghèo, các đơn vị, tổ chức khi thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông xanh góp phần giảm ô nhiễm môi trường từ phương tiện giao thông.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được trình bày theo thể thức văn bản quy phạm pháp luật gồm 3 chương, 10 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung, gồm 04 Điều

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng;
- + Điều 3. Giải thích từ ngữ.
- + Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

- Chương II. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông xanh và chính sách khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, gồm 04 Điều

+ Điều 5. Chính sách ưu đãi hỗ trợ vốn vay cho đơn vị, tổ chức khi chuyển đổi phương tiện giao thông xanh.

+ Điều 6. Chính sách ưu đãi hỗ trợ lãi suất vay vốn cho đơn vị, tổ chức khi chuyển đổi phương tiện giao thông xanh.

+ Điều 7. Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền đối với cá nhân thuộc hộ nghèo khi chuyển đổi phương tiện giao thông xanh.

+ Điều 8. Chính sách khuyến khích sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và đường sắt đô thị.

- Chương III. Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều

- + Điều 9. Tổ chức thực hiện;
- + Điều 10. Điều khoản thi hành.

4. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

(1) Chính sách hỗ trợ vốn vay ưu đãi từ Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố hoặc hỗ trợ 30% lãi suất vay vốn ngân hàng thương mại cho các đơn vị, tổ chức thực hiện các dịch vụ công ích, kinh doanh vận tải đường bộ (có trụ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội, có đăng ký kinh doanh tại thành phố Hà Nội trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực) khi thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông xanh.

(2) Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền đối với cá nhân thuộc hộ nghèo trên địa bàn Thành phố khi chuyển đổi phương tiện giao thông xanh kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2027.

(3) Miễn tiền vé sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (không bao gồm xe buýt phục vụ kinh doanh du lịch) cho người di chuyển trong Vành đai 1 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027 và Miễn tiền vé đến hết ngày 31/12/2030 cho người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (không bao gồm xe buýt phục vụ kinh doanh du lịch) hoặc đường sắt đô thị trên toàn địa bàn Thành phố trong các dịp lễ, Tết, các sự kiện chính trị xã hội đặc biệt của đất nước và của thành phố Hà Nội.

V. Nghị quyết số 69/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; nguồn lực để bảo đảm công tác trật tự đô thị của Thành phố.

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, An toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 168/2024/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 336/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2026/NĐ-CP.

b) Cơ sở thực tiễn

Ngày 23/4/2026, Quốc Hội đã ban hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Đồng thời các quy định pháp luật hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của Thành phố Hà Nội trong việc tổ chức, quản lý trật tự đô thị. Vì vậy, việc ban hành văn bản quy định cụ thể chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; chính sách đầu tư nguồn lực trong lĩnh vực quản lý trật tự đô thị là vấn đề quan trọng được ưu tiên hàng đầu.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm kinh tế, văn hóa và xã hội của cả nước. Với tốc độ đô thị hóa nhanh, các vi phạm trong lĩnh vực trật tự đô thị diễn biến phức tạp về quy mô, tính chất, mức độ vi phạm, đặc biệt tại các đô thị lớn, khu nhà ở và các vùng ven đô. Điều này đặt ra yêu cầu cần có sự quy định cụ thể về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và chính sách đầu tư nguồn lực để đảm bảo tính kịp thời trong việc quản lý trật tự đô thị, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tinh thần trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

124

a) Mục đích

(1) Nghị quyết số 69/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố Hà Nội được ban hành nhằm cụ thể hóa điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, tạo cơ sở pháp lý đặc thù cho Thành phố trong quản lý trật tự đô thị.

(2) Việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; chính sách đầu tư nguồn lực trong lĩnh vực trật tự đô thị nhằm đảm bảo công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn Thành phố đi vào nề nếp, giảm thiểu các vi phạm, tổ chức bộ máy của lực lượng quản lý trật tự đô thị hoạt động có hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành là vấn đề cấp thiết hiện nay, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, phù hợp và đáp ứng tình hình thực tiễn hiện nay.

(3) Nghị quyết cũng nhằm bổ sung các chức danh có thẩm quyền xử phạt phù hợp với yêu cầu quản lý thực tiễn của Thủ đô, gồm Trưởng phòng trực thuộc Sở được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành và Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã được giao nhiệm vụ quản lý trật tự đô thị. Qua đó, Thành phố có thêm công cụ pháp lý để phát hiện, xử lý vi phạm nhanh hơn, sát địa bàn hơn và giảm tình trạng dồn việc lên một số chức danh truyền thống.

b) Ý nghĩa

(1) Nghị quyết có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô, chuyển các quy định mang tính nguyên tắc thành công cụ quản lý cụ thể, có thể áp dụng trực tiếp trong thực tiễn. Đây không chỉ là văn bản quy định thêm thẩm quyền xử phạt, mà còn là cơ sở để tổ chức lại phương thức quản lý trật tự đô thị theo hướng rõ chức danh, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm và rõ nguồn lực bảo đảm.

(2) Về quản lý nhà nước: Nghị quyết góp phần khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo trong xử lý vi phạm trật tự đô thị. Thay vì quản lý rời rạc theo từng lĩnh vực, Nghị quyết thiết lập cách tiếp cận liên ngành, tập trung vào các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự, an toàn, mỹ quan và chất lượng sống đô thị.

(3) Về tổ chức bộ máy: Nghị quyết có ý nghĩa trong việc phân quyền, phân cấp cho các chủ thể gần cơ sở hơn, nhất là cấp xã. Việc trao thẩm quyền xử phạt cho Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã giúp tăng tính chủ động của chính quyền cơ sở, đồng thời gắn việc xử lý vi phạm với trách nhiệm quản lý địa bàn. Ngoài ra, việc trao thẩm quyền cho Trưởng phòng được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành trực thuộc các Sở, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành (thành lập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố) có thể giúp rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao khả năng phát hiện, lập hồ sơ, ban hành quyết định xử phạt và buộc khắc phục hậu quả kịp thời.

(4) Về kỷ luật, kỷ cương hành chính và phòng chống tham nhũng, tiêu cực: Nghị quyết yêu cầu việc áp dụng thẩm quyền phải đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; đồng thời phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đây là cơ sở quan trọng để việc trao quyền không dẫn đến tùy tiện, lạm quyền hoặc thiếu kiểm soát.

(5) Về hiện chuyển đổi số, áp dụng công nghệ trong quản lý đô thị Thành phố: Nghị quyết có ý nghĩa thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực trật tự đô thị thông qua việc xây dựng, liên thông cơ sở dữ liệu số về đất đai, quy hoạch, xây dựng, kết quả xử lý vi phạm hành chính và áp dụng hệ thống giám sát thông minh, nền tảng số dùng chung của Thành phố.

c) Tác động ban hành Nghị quyết

(1) Nghị quyết tác động tích cực đến hiệu quả phát hiện và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự đô thị. Khi các chức danh “*Trưởng phòng trực thuộc Sở được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành và Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã được giao nhiệm vụ quản lý trật tự đô thị*” được giao thẩm quyền rõ ràng, quá trình xử lý vi phạm có thể được thực hiện kịp thời hơn, hạn chế việc phải chuyển hồ sơ qua nhiều cấp, nhiều ngành.

(2) Nghị quyết góp phần giảm tải cho Chủ tịch UBND cấp xã trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Việc giao thẩm quyền cho Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã giúp phân bổ trách nhiệm hợp lý hơn, nhưng vẫn bảo đảm Chủ tịch UBND cấp xã giữ vai trò quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung về quản lý địa bàn được phân cấp.

(3) Nghị quyết tác động đến chất lượng quản lý đô thị và đời sống người dân. Khi các vi phạm lĩnh vực về hoạt động đường bộ; hoạt động xây dựng; bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng vỉa hè, lòng đường; Quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; Phòng cháy chữa cháy (quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) được xử lý kịp thời, môi trường sống đô thị sẽ an toàn, trật tự, văn minh hơn; đồng thời góp phần bảo vệ mỹ quan, hạ tầng và lợi ích công cộng.

(4) Nghị quyết tạo tác động về nguồn lực và năng lực thực thi. Việc bố trí ngân sách, mua sắm phương tiện, thiết bị, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và kiện toàn lực lượng giúp các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có điều kiện thực hiện thẩm quyền trên thực tế, tránh tình trạng “có nhiệm vụ nhưng thiếu công cụ thực hiện”.

(5) Nghị quyết tác động đến tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý trật tự đô thị. Việc quy định trách nhiệm giám sát, đôn đốc, chuyển hồ sơ, phối hợp giữa các Sở, UBND cấp xã và lực lượng chức năng, cùng với sự giám sát của HĐND và Mặt trận Tổ quốc, giúp kiểm soát tốt hơn quá trình thực thi.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Nghị quyết tập trung quy định 02 nhóm chính sách lớn:

- Nhóm 1: Quy định chức danh và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự đô thị (gồm: hoạt động đường bộ; hoạt động xây dựng; bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng vỉa hè, lòng đường; quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; phòng cháy chữa cháy)

- Nhóm 2: Quy định nguồn lực; cơ chế, chính sách; nhân lực và tổ chức thực hiện để bảo đảm công tác trật tự đô thị của thành phố.

b) Quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt VPHC theo cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô

- Quy định chức danh, thẩm quyền của "Trưởng phòng kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực trật tự đô thị thuộc Sở; Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành cấp Thành phố".

- Quy định chức danh, thẩm quyền của "Trưởng phòng được giao nhiệm vụ quản lý trật tự đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã".

+ Quy định này nhằm bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Thủ đô; bổ sung các chức danh, thẩm quyền chưa được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính; đồng thời thiết lập cơ chế xử phạt đặc thù, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn Thủ đô.

+ Việc quy định chức danh, giao thẩm quyền là phù hợp với chủ trương của Đảng và Trung ương về phân cấp, phân quyền; góp phần nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ, bảo đảm việc phát hiện và xử lý vi phạm hành chính được kịp thời, khách quan, minh bạch và hiệu quả.

c) Nghị quyết phát huy vai trò trung tâm của UBND cấp xã trong quản lý trật tự đô thị tại địa bàn, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, phúc tra, giám sát từ các Sở, Ngành chuyên môn để bảo đảm việc thực hiện thống nhất, hiệu quả. Bên cạnh đó, Nghị quyết chú trọng bảo đảm nguồn lực thực thi thông qua bố trí ngân sách để mua sắm trang phục, thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ và đồng bộ, liên thông cơ sở dữ liệu số, camera giám sát, thiết bị bay điều khiển từ xa và đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phục vụ công tác quản lý trật tự đô thị.

d) Về tổ chức thực hiện, UBND Thành phố là cơ quan chủ trì triển khai; HĐND, đại biểu HĐND và Mặt trận Tổ quốc tham gia giám sát.

4. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 69/2026/NQ-HĐND có một số điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành, thể hiện ở các nội dung chủ yếu sau:

(1) So với pháp luật chung về xử lý vi phạm hành chính, Nghị quyết bổ sung thẩm quyền cho các chức danh như Trưởng phòng được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành trực thuộc các Sở, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành do UBND Thành phố thành lập và Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã được giao nhiệm vụ quản lý trật tự đô thị. Đây là điểm mới quan trọng, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đặc thù của Thủ đô, nhất là trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

(2) Việc giao thẩm quyền xử phạt cho Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã giúp nâng cao tính chủ động của cấp xã trong phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm. Quy định này góp phần giảm tải cho Chủ tịch UBND cấp xã, đồng thời bảo đảm các vi phạm về trật tự đô thị được xử lý kịp thời, sát thực tiễn địa bàn.

(3) Nghị quyết xác lập cơ chế xử lý vi phạm hành chính mang tính liên ngành, tập trung, thống nhất: Pháp luật hiện hành thường quy định thẩm quyền xử phạt theo từng ngành, từng lĩnh vực riêng lẻ. Trong khi đó, Nghị quyết tiếp cận trật tự đô thị như một lĩnh vực quản lý tổng hợp, bao gồm hoạt động đường bộ, xây dựng, bảo vệ môi trường,

124

quản lý vỉa hè, lòng đường, hạ tầng kỹ thuật đô thị và phòng cháy, chữa cháy. Cách tiếp cận này phù hợp với tính chất phức tạp, liên thông của quản lý đô thị tại Hà Nội.

(4) Nghị quyết quy định thẩm quyền xử phạt ở mức cao hơn, phù hợp với yêu cầu quản lý đặc thù của Thủ đô: Trưởng phòng được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành trực thuộc các Sở, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành có thẩm quyền phạt tiền đến 40% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng; Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã có thẩm quyền phạt tiền đến 25% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng. Đây là cơ chế đặc thù nhằm tăng hiệu quả xử lý, bảo đảm tính răn đe và khắc phục tình trạng vi phạm kéo dài.

(5) Nghị quyết gắn thẩm quyền xử phạt với trách nhiệm giám sát, đôn đốc và tổ chức thực hiện quyết định xử phạt: Không chỉ giao quyền xử phạt, Nghị quyết còn quy định trách nhiệm của các chức danh trong việc theo dõi, đôn đốc đối tượng vi phạm thực hiện quyết định xử phạt, chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã để tổ chức cưỡng chế hoặc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khi cần thiết. Quy định này khắc phục tình trạng xử phạt xong nhưng thiếu theo dõi, thiếu đôn đốc thực hiện.

(6) Nghị quyết không chỉ quy định thẩm quyền xử phạt mà còn quy định chính sách đầu tư nguồn lực bảo đảm thực hiện: Đây là điểm đặc thù nổi bật. Nghị quyết quy định việc bố trí ngân sách hằng năm để bảo đảm hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát trật tự đô thị; mua sắm trang phục, phương tiện, thiết bị; xây dựng cơ sở dữ liệu số; áp dụng hệ thống giám sát thông minh; kiện toàn tổ chức, biên chế; đào tạo, bồi dưỡng lực lượng làm công tác trật tự đô thị.

(7) Nghị quyết thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý trật tự đô thị: việc yêu cầu xây dựng, liên thông hệ thống cơ sở dữ liệu số về đất đai, quy hoạch, xây dựng, kết quả xử lý vi phạm hành chính từ cơ quan chuyên môn đến UBND cấp xã; đồng thời áp dụng hệ thống giám sát thông minh và nền tảng số dùng chung của Thành phố. Đây là điểm mới phù hợp với yêu cầu quản trị đô thị hiện đại, minh bạch và kịp thời.

(8) Nghị quyết đề cao nguyên tắc công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

VI. Nghị quyết số 70/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách đầu tư phát triển, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố (Thực hiện các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 13 và điểm d khoản 4 Điều 26 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn

a) Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

b) Cơ sở thực tiễn

Hà Nội đang đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, trong khi nhu cầu phát triển bãi đỗ xe, trạm sạc điện công cộng, hệ thống đèn pin công cộng và các công trình phụ trợ ngày càng lớn, đòi hỏi phải có cơ chế huy động hiệu quả nguồn lực xã hội.

Thực tiễn triển khai các dự án kết cấu hạ tầng đường bộ còn phát sinh vướng mắc về giải phóng mặt bằng, tổ chức lựa chọn nhà thầu, kết nối và chia sẻ dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản. Đối với đường sắt địa phương, một số nội dung về khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, quản lý nguồn thu từ khai thác tài sản, bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên và tổ chức bảo trì cần được quy định cụ thể, phù hợp với đặc thù của Thành phố.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết “Quy định chính sách đầu tư phát triển, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương trên địa bàn thành phố Hà Nội” là cần thiết nhằm cụ thể hóa Luật Thủ đô, tháo gỡ các điểm nghẽn trong thực tiễn, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực, đồng thời đẩy nhanh tiến độ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông của Thủ đô.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết tạo hành lang pháp lý đặc thù để thúc đẩy đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương; huy động nguồn lực ngoài ngân sách; tháo gỡ vướng mắc về giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện dự án; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Việc thực hiện Nghị quyết góp phần bảo đảm an toàn giao thông, nâng cao chất lượng phục vụ, sử dụng hiệu quả tài sản công và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại, xanh, thông minh, bền vững.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết được trình bày theo thể thức văn bản quy phạm pháp luật, gồm 04 chương, 15 điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung, gồm 03 Điều:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng.

+ Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách.

- Chương II. Quy định một số cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, gồm 03 Điều:

+ Điều 4. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ.

+ Điều 5. Chính sách giải phóng mặt bằng, đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đường bộ.

+ Điều 6. Áp dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

- **Chương III.** Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương, gồm 06 Điều:

+ Điều 7. Khai thác quảng cáo trên dải phân cách.

+ Điều 8. Đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

+ Điều 9. Phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trong lĩnh vực đường sắt địa phương, nhà ga.

+ Điều 10. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương.

+ Điều 11. Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương.

+ Điều 12. Tổ chức thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương.

- **Chương IV.** Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều:

+ Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thi hành.

+ Điều 14. Hiệu lực thi hành.

+ Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp.

4. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

(1) Nhà đầu tư dự án xây dựng, khai thác bãi đỗ xe được ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% số tiền lãi vay phải trả đối với khoản vay tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, tính trên toàn bộ giá trị hợp đồng vay trong thời gian vay vốn nhưng không quá 05 năm; đồng thời, Thành phố được quyết định danh mục tuyến đường, vỉa hè và quỹ đất công chưa khai thác để tổ chức trông giữ xe tạm thời.

(2) Quy định phát triển trạm sạc điện công cộng, hệ thống đổi pin công cộng theo nguyên tắc đồng bộ, có khả năng kết nối, tương thích, sử dụng chung và bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng; cho phép Thành phố quyết định tỷ lệ chỗ đỗ xe lắp đặt trạm sạc, đổi pin tại các công trình hạ tầng đường bộ đủ điều kiện.

(3) Cho phép tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án thành phần, dự án thành phần độc lập mà không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư; Chủ tịch UBND cấp xã được phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do UBND cấp xã làm chủ đầu tư; áp dụng chỉ định thầu rút gọn đối với các gói thầu phục vụ giải phóng mặt bằng theo quy định.

(4) Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo đảm kết nối, chia sẻ, tích hợp với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ưu tiên ứng dụng công nghệ cảm biến, truyền dẫn, đồng bộ dữ liệu và các giải pháp số trong quản lý, khai thác, bảo trì cầu, hầm đường bộ từ cấp II trở lên.

(5) Cho phép khai thác quảng cáo trên dải phân cách đường bộ và sử dụng nguồn thu từ hoạt động quảng cáo trên dải phân cách, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ và các công trình đường bộ để phục vụ quản lý, bảo trì, đầu tư phát triển công trình đường

bộ; đồng thời quy định cơ chế trích chi phí quản lý dự án và chi phí giám sát để bảo đảm hoạt động thường xuyên của đơn vị được giao quản lý, bảo trì.

(6) Đối với đường sắt địa phương, cho phép áp dụng quy định của Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai; doanh nghiệp quản lý tài sản được sử dụng 80% nguồn thu từ khai thác tài sản để chi cho hoạt động quản lý, khai thác, duy trì, phát triển tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài chính, 20% còn lại nộp ngân sách nhà nước trong thời hạn 36 tháng.

(7) Quy định nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và các hình thức tổ chức bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương, gồm tự thực hiện, đấu thầu hoặc đặt hàng; giao UBND Thành phố xây dựng quy trình, định mức, quy định chi tiết và tổ chức đánh giá hiệu quả thực hiện để kịp thời điều chỉnh theo thẩm quyền.

VII. Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b, điểm d khoản 1 Điều 13 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn

a) Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Cơ sở thực tiễn

- Hà Nội là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, đồng thời là đô thị đặc biệt với mật độ dân cư, phương tiện và nhu cầu đi lại rất lớn. Trong những năm qua, mặc dù Thành phố đã quan tâm đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, phát triển xe buýt, đường sắt đô thị, bãi đỗ xe, các đầu mối vận tải và hệ thống giao thông thông minh, 

nhưng tình trạng ùn tắc giao thông vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt tại khu vực nội đô và trung tâm Thành phố.

- Sự gia tăng nhanh của phương tiện cá nhân, nhất là ô tô và xe máy, gây áp lực lớn lên hạ tầng giao thông đô thị. Nhiều tuyến đường trong khu vực trung tâm có mặt cắt hẹp, mật độ giao thông cao, khả năng mở rộng hạn chế. Việc phụ thuộc vào phương tiện cá nhân làm giảm hiệu quả khai thác hạ tầng, kéo dài thời gian đi lại, tăng chi phí xã hội và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống của người dân.

- Bên cạnh đó, hoạt động giao thông vận tải là một trong những nguồn phát thải gây ô nhiễm môi trường đô thị. Việc sử dụng phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch làm gia tăng khí thải, tiếng ồn và ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển xanh, bền vững của Thủ đô. Vì vậy, cần có chính sách khuyến khích chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, năng lượng sạch.

- Đối với vận tải hành khách công cộng, hệ thống xe buýt, đường sắt đô thị và các phương thức vận tải khối lượng lớn vẫn cần được tăng cường cả về hạ tầng, phương tiện, chất lượng dịch vụ và chính sách hỗ trợ. Người dân chỉ có thể chuyển đổi thói quen đi lại từ phương tiện cá nhân sang giao thông công cộng khi dịch vụ công cộng bảo đảm thuận tiện, an toàn, chi phí hợp lý và kết nối đồng bộ.

- Đối với vận tải hàng hóa và logistics đô thị, nhu cầu phân phối hàng hóa trong khu vực đô thị ngày càng tăng, đặc biệt cùng với sự phát triển thương mại điện tử. Nếu không tổ chức hợp lý, hoạt động vận tải hàng hóa có thể làm tăng áp lực giao thông trong nội đô. Do đó, cần hình thành các trung tâm logistics, kho thông minh, điểm giao nhận hàng hóa, phương thức giao nhận không tiếp xúc và phân vùng vận tải hàng hóa phù hợp.

- Từ các yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND là cần thiết nhằm tạo hành lang pháp lý để Hà Nội chủ động triển khai các chính sách phát triển vận tải, logistics đô thị và kiểm soát phương tiện cá nhân theo lộ trình phù hợp.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

a) Mục đích

- Nghị quyết nhằm xây dựng hệ thống giao thông vận tải Thủ đô theo hướng hiện đại, đồng bộ, xanh, thông minh và bền vững. Trọng tâm là phát triển vận tải hành khách công cộng, nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng phương tiện công cộng, giảm dần sự phụ thuộc vào phương tiện cá nhân.

- Nghị quyết cũng đặt mục tiêu thúc đẩy đổi mới phương tiện vận tải theo hướng an toàn, hiện đại, sử dụng năng lượng sạch, thân thiện với môi trường. Đồng thời, tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phương tiện, hạ tầng, công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải.

- Một mục tiêu quan trọng khác là phát triển hệ thống vận tải hàng hóa và logistics đô thị hiệu quả, giảm chi phí logistics, giảm ùn tắc giao thông do hoạt động vận tải hàng hóa gây ra, đồng thời phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân.

- Nghị quyết còn nhằm xây dựng cơ sở pháp lý để Thành phố từng bước hạn chế phương tiện cá nhân vào khu vực trung tâm thông qua phân vùng hoạt động, tổ chức giao thông theo khung giờ, thí điểm các biện pháp kinh tế và đánh giá tác động trước khi nhân rộng.

b) Ý nghĩa

124

- Nghị quyết có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa Luật Thủ đô, thể hiện vai trò chủ động của Hà Nội trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với yêu cầu quản lý và phát triển đô thị.

- Về mặt quản lý nhà nước, Nghị quyết giúp hoàn thiện cơ sở pháp lý để Thành phố tổ chức lại hoạt động vận tải, quản lý chất lượng dịch vụ, thúc đẩy chuyển đổi số và quản lý giao thông thông minh. Đây là công cụ quan trọng để các sở, ngành và chính quyền cơ sở triển khai đồng bộ các giải pháp giảm ùn tắc giao thông, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng vận tải.

- Về mặt xã hội, Nghị quyết hướng tới thay đổi thói quen đi lại của người dân từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng, tạo môi trường giao thông văn minh, an toàn và tiết kiệm hơn.

- Về mặt kinh tế, Nghị quyết tạo điều kiện cho doanh nghiệp vận tải, logistics tiếp cận các chính sách hỗ trợ đầu tư, đổi mới phương tiện, phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ. Qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và giảm chi phí lưu thông hàng hóa.

c) Tác động của Nghị quyết

- Đối với người dân, Nghị quyết mang lại nhiều lợi ích thiết thực thông qua các chính sách trợ giá, miễn giảm giá vé, nâng cao chất lượng dịch vụ xe buýt, đường sắt đô thị và các phương thức vận tải công cộng khác. Người dân có thêm lựa chọn đi lại thuận tiện, chi phí hợp lý, an toàn và thân thiện với môi trường.

- Đối với các đối tượng chính sách, Nghị quyết quy định các ưu đãi như miễn vé đối với người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, nhân khẩu thuộc hộ nghèo; hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp; hỗ trợ 100% giá vé trong 15 ngày đầu kể từ khi tuyến đường sắt đô thị bắt đầu khai thác vận hành thương mại.

- Đối với doanh nghiệp vận tải, Nghị quyết tạo điều kiện thông qua hỗ trợ phí, hỗ trợ thuế nhập khẩu trong một số trường hợp, hỗ trợ lãi vay đầu tư hạ tầng và phương tiện sử dụng năng lượng xanh. Các chính sách này góp phần giảm chi phí đầu tư ban đầu, khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển vận tải công cộng và chuyển đổi phương tiện sạch.

- Đối với lĩnh vực logistics, Nghị quyết tạo cơ sở phát triển trung tâm logistics, cảng cạn ICD, kho bãi, kho lạnh, kho thông minh, tổ chức phân vùng vận tải hàng hóa và thúc đẩy giao nhận hàng hóa không tiếp xúc. Điều này giúp nâng cao hiệu quả phân phối hàng hóa trong đô thị và giảm áp lực lên hạ tầng giao thông.

- Đối với môi trường, Nghị quyết thúc đẩy sử dụng phương tiện xanh, giảm phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn và phát thải khí nhà kính.

- Đối với công tác quản lý nhà nước, Nghị quyết giúp các cơ quan chức năng có căn cứ để lập kế hoạch, phân công trách nhiệm, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện chính sách.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND gồm 03 chương, 11 điều.

3.1. Chương I – Quy định chung

Chương I gồm các điều về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.

124

3.2. Chương II – Chính sách phát triển vận tải, logistics và hạn chế phương tiện cá nhân

Chương II là nội dung trọng tâm của Nghị quyết, gồm các chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng, vận tải hành khách khác, quản lý chất lượng dịch vụ vận tải, phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị, hạn chế phương tiện cá nhân.

3.2.1. Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng

- Nghị quyết quy định việc bảo đảm quỹ đất đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng vận tải hành khách công cộng, bao gồm đề pô, trạm trung chuyển, ga đường sắt đô thị, nhà chờ, điểm dừng đỗ, làn đường ưu tiên và các công trình phụ trợ. Việc phát triển hạ tầng phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.

- Xe buýt được ưu tiên tổ chức giao thông để bảo đảm lưu hành thông suốt, thuận tiện, an toàn cho hành khách. Thành phố tổ chức các loại hình vận tải kết nối chặt chẽ – chặng cuối, kết nối giữa các phương thức vận tải trong đô thị, chuẩn hóa điểm đầu cuối, điểm dừng xe buýt, nhà chờ để nâng cao khả năng tiếp cận của hành khách.

- Về phương tiện, Nghị quyết yêu cầu phương tiện sử dụng trong hoạt động vận tải hành khách công cộng phải bảo đảm an toàn, hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến và đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Khi mở mới các tuyến buýt, ưu tiên sử dụng phương tiện năng lượng sạch, xanh, thân thiện với môi trường. Nghị quyết cũng khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải công cộng bằng xe buýt chuyển đổi từ phương tiện dùng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Về cơ chế hỗ trợ, ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, phí cầu đường, bến bãi, bảo hiểm hành khách thu hộ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn. Thành phố hỗ trợ kinh phí tương ứng 100% tiền thuế nhập khẩu các thiết bị, phương tiện phục vụ vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn trong trường hợp trong nước chưa sản xuất được hoặc đã sản xuất nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

- Đáng chú ý, ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí tương ứng 70% tiền lãi vay ngân hàng hoặc lãi vay từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố đối với doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn và doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố. Nội dung hỗ trợ áp dụng đối với đầu tư mua sắm xe buýt điện, năng lượng xanh và hệ thống hạ tầng như trạm biến áp, trạm sạc, trạm nạp khí phục vụ xe buýt điện, năng lượng xanh theo dự án được phê duyệt.

- Nghị quyết cũng quy định phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác, giảm dần phụ thuộc trợ giá từ ngân sách nhà nước. Trợ giá phải gắn với sản lượng, chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Về ưu đãi sử dụng dịch vụ, người sử dụng xe buýt, đường sắt đô thị được ngân sách Thành phố hỗ trợ giá vé theo từng tuyến. Thành phố miễn tiền vé đối với người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, nhân khẩu thuộc hộ nghèo; hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp; hỗ trợ 100% giá vé trong 15 ngày đầu kể từ khi các tuyến đường sắt đô thị bắt đầu khai thác vận hành thương mại.

3.2.2. Phát triển loại hình vận tải hành khách khác

- Nghị quyết quy định xây dựng hệ thống bến xe khách liên tỉnh mới kết hợp mạng lưới đường sắt đô thị, bãi đỗ xe trung chuyển đa phương tiện, bến xe buýt để hình thành các trung tâm trung chuyển hành khách đa phương thức.

- Đối với taxi và xe hợp đồng dưới 08 chỗ sử dụng hợp đồng điện tử, Nghị quyết ưu tiên bố trí điểm đón, trả khách tại bệnh viện, trung tâm thương mại, trường học, khu dân cư, khu du lịch, cảng hàng không, nhà ga đường sắt đô thị, bến xe, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối xe buýt, khu đô thị và các tuyến phố đủ điều kiện hạ tầng.

- Đối với xe đạp công cộng, xe đạp điện công cộng, xe máy điện công cộng, Thành phố ưu tiên bố trí vị trí đỗ tại các khu vực như bệnh viện, trung tâm thương mại, trường học, khu dân cư, khu du lịch, cảng hàng không, nhà ga đường sắt đô thị, bến xe, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối xe buýt, điểm dừng xe buýt, khu đô thị và các lòng đường, vỉa hè đủ điều kiện.

- Nghị quyết cũng đặt ra định hướng đối với các tuyến đường, tuyến phố xây mới, khu đô thị, khu dân cư mới cần có làn đường dành riêng cho xe đạp; đồng thời nghiên cứu bổ sung làn đường xe đạp đối với các dự án cải tạo, nâng cấp. Thành phố bố trí quỹ đất làm điểm đặt xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện công cộng tại các điểm gửi xe để phục vụ chuyển đổi phương tiện giao thông xanh.

- Ngoài ra, Nghị quyết khuyến khích xây dựng hệ sinh thái vận tải số thông qua ứng dụng tích hợp đặt xe, đặt vé, thanh toán điện tử liên thông; triển khai nền tảng quản lý vận tải đa phương thức và hệ thống thông tin hỗ trợ người dân tiếp cận hoạt động vận tải. Thành phố cũng khuyến khích thử nghiệm các loại hình vận tải ứng dụng công nghệ cao, phương tiện vận tải mới trong đô thị và các giải pháp giao thông thông minh khác theo quy định.

3.2.3. Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải

- Nghị quyết giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải phù hợp với từng loại hình vận tải; tổ chức đánh giá và công bố chất lượng dịch vụ vận tải trên địa bàn Thành phố.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải có trách nhiệm áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải theo quy định; duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nghị quyết khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải, logistics áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả hoạt động, bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường và tăng năng lực cạnh tranh.

3.2.4. Phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị

- Nghị quyết xác định phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị theo hướng hiện đại, hiệu quả, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; giảm áp lực giao thông đô thị, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thành phố bố trí quỹ đất phát triển hệ thống trung tâm logistics, cảng cạn ICD, kho bãi, kho lạnh, kho thông minh theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nghị quyết khuyến khích phát triển giao nhận hàng hóa không tiếp xúc tại tòa nhà, khu chung cư, khu đô thị, trung tâm thương mại, khu công nghiệp. Đây là nội dung phù hợp với xu hướng thương mại điện tử, giao hàng thông minh và giảm tiếp xúc trực tiếp trong hoạt động phân phối hàng hóa.

- Việc tổ chức vận tải hàng hóa và logistics đô thị được thực hiện trên cơ sở tổ chức mạng lưới trung chuyển hàng hóa phù hợp với từng khu vực; phân vùng hoạt động vận tải hàng hóa phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý hoạt động vận tải hàng hóa theo tải trọng và chủng loại phương tiện.

- Phương tiện vận tải sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường được ưu tiên sử dụng các điểm trung chuyển, điểm dừng đỗ phục vụ giao nhận hàng hóa theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.2.5. Hạn chế phương tiện cá nhân

- Nghị quyết quy định thực hiện phân vùng hoạt động của một số loại phương tiện cơ giới đường bộ phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng.

- Thành phố thực hiện các biện pháp kinh tế nhằm hạn chế phương tiện giao thông cá nhân theo quy định của pháp luật. Đây là cơ sở để nghiên cứu, đề xuất các công cụ quản lý như thu phí giảm ùn tắc giao thông, tổ chức giao thông theo khung giờ, khu vực, loại phương tiện.

- Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm quy định khung giờ cao điểm, ngoài giờ cao điểm đối với từng loại phương tiện cơ giới đường bộ, bảo đảm phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng.

- Việc hạn chế phương tiện cá nhân và thu phí giảm ùn tắc giao thông được thực hiện theo nguyên tắc thí điểm tại địa bàn có đủ điều kiện, đánh giá hiệu quả, tác động xã hội, làm cơ sở mở rộng phạm vi hạn chế và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố.

3.3. Chương III – Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

Chương III quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp.

4. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết có nhiều nội dung mang tính đột phá, cụ thể:

(1) Lần đầu tiên quy định đồng bộ giữa phát triển vận tải và hạn chế phương tiện cá nhân

Không chỉ hỗ trợ phát triển giao thông công cộng mà còn xây dựng cơ chế hạn chế phương tiện cá nhân theo lộ trình phù hợp.

(2) Chính sách hỗ trợ tài chính mạnh cho doanh nghiệp

Bao gồm: Hỗ trợ 100% một số khoản phí sử dụng hạ tầng; Hỗ trợ 100% thuế nhập khẩu thiết bị, phương tiện trong trường hợp đáp ứng điều kiện theo Nghị quyết; Hỗ trợ tới 70% lãi vay đầu tư phương tiện xanh và hạ tầng xe buýt điện. Đây là mức hỗ trợ vượt trội so với các cơ chế trước đây của Thành phố.

(3) Chính sách ưu đãi trực tiếp đối với người sử dụng vận tải công cộng

Nghị quyết quy định: Miễn vé cho nhiều nhóm đối tượng; Hỗ trợ 50% giá vé tháng cho học sinh, sinh viên, công nhân; Hỗ trợ 100% giá vé trong thời gian đầu khai thác đường sắt đô thị.

(4) Đưa logistics đô thị trở thành nội dung điều chỉnh độc lập

Lần đầu tiên quy định: Logistics đô thị; Giao nhận hàng hóa không tiếp xúc; Phân vùng logistics; Trung tâm logistics; Kho thông minh; Giao hàng xanh.

124

(5) Khuyến khích mạnh chuyển đổi xanh

Nghị quyết ưu tiên: Xe buýt điện; Taxi điện; Xe đạp công cộng; Xe máy điện công cộng; Phương tiện sử dụng năng lượng sạch.

(6) Đẩy mạnh chuyển đổi số

Khuyến khích: Vé điện tử; Thanh toán không dùng tiền mặt; Hệ thống quản lý vận tải số; Ứng dụng công nghệ trong logistics.

(7) Cơ chế thí điểm các giải pháp quản lý giao thông mới

Cho phép: Thí điểm hạn chế phương tiện cá nhân; Thí điểm thu phí giảm ùn tắc giao thông; Thử nghiệm phương tiện giao thông thông minh và các công nghệ mới trước khi nhân rộng.

Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng nhằm cụ thể hóa Luật Thủ đô năm 2026, tạo cơ chế đặc thù để phát triển vận tải hiện đại, thúc đẩy giao thông xanh, phát triển logistics đô thị và từng bước hạn chế phương tiện cá nhân tại khu vực trung tâm thành phố Hà Nội. Nghị quyết góp phần xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, giảm ùn tắc giao thông, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

VIII. Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định cơ chế, chính sách về đầu tư, phát triển và hỗ trợ nhà ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm đ, điểm e, khoản 2 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

- Cơ sở pháp lý chính trị:

+ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Tại điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô giao HĐND thành phố Hà Nội quy định cơ chế, chính sách về đầu tư, phát triển và hỗ trợ nhà ở trên địa bàn Thành phố; ưu đãi, hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà lưu trú và các loại hình nhà ở khác; việc sử dụng ngân sách Thành phố để đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ các dự án nhà ở theo quy hoạch và chính sách xã hội về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố.

+ Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới; Thông báo số 64-TB/VPTW ngày 22/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo Kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về phát triển nhà ở xã hội và định hướng phát triển nhà ở trong thời gian tới.

+ Thông báo số 262/TB-VPCP ngày 26/5/2026 của Văn phòng Chính phủ về chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về phát triển nhà ở cho thuê trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Cơ sở thực tiễn:

+ Giải quyết áp lực từ sự gia tăng dân số và yêu cầu về chất lượng sống đô thị trong kỷ nguyên mới: cần có chính sách đột phá về nhà ở để vừa giải quyết nhu cầu cư trú, vừa thực hiện chủ trương giãn dân, tái thiết đô thị và nâng cao chất lượng sống theo tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị;

+ Giải quyết nhu cầu cấp thiết về các loại hình nhà ở để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế "hai con số";

+ Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước¹ về nhà ở xã hội và định hướng phát triển nhà ở trong thời gian tới, ngoài phát triển nhà ở xã hội để tạo ổn định nguồn cung, cần thiết phải chú trọng phát triển nhà ở cho thuê, đáp ứng nhu cầu về nhà ở trong tình hình mới với phương châm "Nhà là nơi để ở chứ không phải để kinh doanh, tích sản";

+ Việc ban hành các cơ chế ưu đãi và sử dụng ngân sách đầu tư một số hạng mục hạ tầng thiết yếu là cần thiết, phù hợp với thực tiễn, nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Trung ương, Luật Thủ đô; thuận tiện, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, góp phần nâng cao chất lượng sống người dân Thủ đô; tạo động lực thu hút nhà đầu tư chiến lược.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

- Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định “*Cơ chế, chính sách về đầu tư, phát triển và hỗ trợ nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội*” nhằm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách được quy định tại điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô; quán triệt sâu sắc định hướng của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Thông báo số 64-TB/VPTW ngày 22/5/2026 về phát triển nhà ở trong thời gian tới; chỉ đạo của đồng chí Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 262/TB-VPCP ngày 26/5/2026 về phát triển nhà ở cho thuê trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Cụ thể hóa toàn diện các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội tại Luật Thủ đô; trọng tâm là đổi mới phương thức đầu tư, phát triển nhà ở thương mại, nhà ở cho thuê, nhà ở công vụ, nhà ở chính sách và giải quyết căn bản chính sách xã hội về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thủ đô.

- Thực hiện chính sách an sinh xã hội về nhà ở đối với các đối tượng chính sách, người thu nhập thấp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô; lấy người dân làm trung tâm, nâng cao chất lượng sống gắn với định hướng quy hoạch đô thị theo mô hình giao thông công cộng (TOD).

- Phát triển nhà ở theo tiêu chuẩn Thông minh - Xanh - Bền vững; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích; triệt để cắt giảm các thủ tục, điều kiện phát sinh không cần thiết cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

- Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định vị trí phát triển nhà ở cho thuê phù hợp; quyết định việc đầu tư, tạo lập quỹ nhà ở cho thuê.

- Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền, điều kiện giao chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư áp dụng như Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội. Quyết định giao chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư không thông qua đấu giá, không thông qua đấu thầu đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê là căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

¹ Thông báo số 64-TB/VPTW ngày 22/5/2026 về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với một số cơ quan về tình hình triển khai Chỉ thị số 34-CT/TW của Ban Bí thư về nhà ở xã hội và định hướng phát triển nhà ở trong thời gian tới; Kế hoạch số 355-KH/TU ngày 25/7/2025 của Thành ủy về việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo kết luận làm việc của đồng chí Tổng Bí thư với Thành ủy Hà Nội.

- Điều kiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê: (a) Dành tối thiểu 50% tổng số nhà ở của dự án để làm nhà ở cho thuê; (b) Dành tối thiểu 70% tổng số nhà ở cho thuê của dự án cho đối tượng chính sách thuê; (c) Diện tích căn hộ nhà ở cho thuê quy định tại điểm (b) được áp dụng theo tiêu chuẩn diện tích nhà ở xã hội của pháp luật về nhà ở.

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê: cơ chế chính sách ưu đãi về đất đai, lợi nhuận định mức, tỷ lệ nhà ở, diện tích sàn nhà ở được bán tại dự án, phương pháp xác định giá thuê nhà ở xã hội.

- Bồi thường hỗ trợ, tái định cư, đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để phát triển nhà ở cho thuê: Áp dụng quy định của pháp luật đối với dự án nhà ở xã hội; Các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê do chủ đầu tư dự án thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch và dự án đầu tư được duyệt; trừ trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố để đầu tư theo đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ nhà ở công vụ: quy định đối tượng, mở rộng một số trường hợp được thuê nhà công vụ.

- Chính sách xã hội về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố: quy định đối tượng, chính sách hỗ trợ, trình tự bán, cho thuê mua nhà ở xã hội đối với các đối tượng được hưởng chính sách này.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành:

- Cơ chế đầu tư, phát triển nhà ở cho thuê;

- Cơ chế chính sách đối với chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê;

- Đối tượng được thuê nhà ở và thứ tự ưu tiên phù hợp với thực tế;

- Hỗ trợ nhà ở công vụ;

- Chính sách xã hội về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố

Phụ lục 02:
Danh sách đề xuất báo cáo viên pháp luật tuyên truyền các Nghị quyết thi hành Luật Thủ đô
(Kèm theo văn bản số /SXD-TCPC ngày 08/7/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Họ và tên	Ngày sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ	Đăng ký phổ biến nội dung chính sách	Số điện thoại
		Nam	Nữ					
1	Phan Trường Thành	28/12/1979		Trưởng phòng Tài chính – Đầu tư	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Quản lý đô thị; Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Cử nhân Quản lý kinh tế	Nội dung chính sách quy định tại các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 19/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 70/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách đầu tư phát triển, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố; số 68/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và khuyến khích sử dụng giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội	091.2222.103
2	Vũ Đức Thắng	03/07/1973		Phó Trưởng phòng Kiểm tra Xây dựng và PCCC	Sở Xây dựng	Cử nhân kinh tế; cử nhân luật	Nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết số 69/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm	0913.554.225

							hành chính; nguồn lực để bảo đảm công tác trật tự đô thị của Thành phố.	
3	Nguyễn Quang Huy	27/10/1975		Phó trưởng phòng Quản lý vận tải	Sở Xây dựng	Thạc sĩ quản lý vận tải	Nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội	0912.257.845
4	Nguyễn Trung Sơn	20/02/1980		Phó Trưởng phòng quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	Thạc sĩ kỹ thuật; Kỹ sư xây dựng	Nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển và khai thác không gian ngầm, không gian tầm thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội	0962.639.666
5	Đặng Anh Vũ	07/6/1989		Chuyên viên	Phòng Quản lý xây dựng – Sở Xây dựng	Thạc sĩ Quản lý xây dựng; kỹ sư xây dựng	Nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển và khai thác không gian ngầm, không gian tầm thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội	0977.566.381